

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07/4/2026

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào

Ông Trần Hoàng Mên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: ông Diệp Minh H, sinh ngày 16/10/1978 (có mặt)

Địa chỉ: số G khu phố T, phường R, tỉnh A

Bị đơn: bà Đặng Thị N, sinh ngày 01/01/1979 (có mặt)

Địa chỉ: [HYPERLINK \l "link" \o "ấp Phước Bình, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang" \p P, xã V, tỉnh A](#)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2026, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Diệp Minh H như sau:**

Ông và bà Đặng Thị N được người quen mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 1998; hai người tự nguyện sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 1998 và đến nay ông bà cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông bà sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp và vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên ông bà đã tự ly thân từ cuối năm 1999 đến nay. Trong thời gian ly thân từ năm 1999 đến nay ông bà ít gặp nhau, nay ông H xét thấy không thể quay lại sống chung với nhau được nữa vì ông bà đã không còn tình cảm với nhau nên ông quyết định ly hôn với bà N.

Ông và bà N có một người con chung tên Diệp Minh T, sinh năm 1999 do bà N nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi ông H, bà N ly thân năm 1999 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, ông Diệp Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân ông H yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị N. Về con chung có một người con tên Diệp Minh T, sinh năm 1999 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung ông H xác định là không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông H không yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị N trình bày:** Bà N thống nhất với lời trình bày của ông Diệp Minh H về ngày tháng năm sống chung với nhau, bà thừa nhận là bà và ông H có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, ông bà tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1998 đến cuối năm 1999 thì ông bà ly thân mỗi người sống một nơi vì ông bà không hợp nhau. Bà và ông H có một con chung tên Diệp Minh T, sinh năm 1999. Bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, Về hôn nhân bà N đồng ý ly hôn với ông Diệp Minh H. Về con chung tên Diệp Minh T, sinh năm 1999 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà N xác định là không có nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà N không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Diệp Minh H yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị N và bị đơn là bà N có địa chỉ tại ấp P, xã V, tỉnh A nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật “ly hôn” và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: ông Diệp Minh H và bà Đặng Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng từ năm 1998 đến nay ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tại phiên tòa, ông H và bà N đều cho rằng hai người không hợp và thường xuyên cãi nhau nên ông, bà đã tự ly thân từ cuối năm 1999 đến nay. Ông H và bà N đều có nguyện vọng ly hôn với nhau. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của ông bà; mà cần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa ông Diệp Minh H và bà Đặng Thị N là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: ông H, bà N đều xác nhận có một người con chung tên Diệp Minh T, sinh năm 1999 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông H, bà N xác định là không có nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng ông H phải nộp do ông có yêu cầu.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa ông Diệp Minh H và bà Đặng Thị N là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Diệp Minh H phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 300184 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, ông H đã nộp xong án phí HNST.

4. Ông H, bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 07/4/2026.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV5;
- THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh